

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2020 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Năm 2020, Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT), mã trường **SPD**, tuyển sinh **2020** chỉ tiêu với 29 ngành đào tạo trình độ Đại học chính quy, 01 ngành Cao đẳng Giáo dục mầm non theo 04 phương thức xét tuyển độc lập:

1. **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia năm 2020
2. **Phương thức 2:** Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT
3. **Phương thức 3:** Xét tuyển thẳng các ngành sư phạm
4. **Phương thức 4:** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2020 của ĐHQG TP.HCM



Năm 2020, Trường **ĐHĐT** dự kiến tuyển sinh 29 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành cao đẳng Giáo dục mầm non.

Tất cả thí sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước đều có thể tham gia xét tuyển vào Trường ĐHTT theo 04 phương thức tuyển sinh này.

1. Các ngành, chuyên ngành xét tuyển Đại học, Cao đẳng Giáo dục Mầm non

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn chính	Phương thức xét tuyển
CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC							
1	Giáo dục Mầm non	7140201	280	M00 M05 M07 M11	Văn, Toán, NK GDMN Văn, Sử, NK GDMN Văn, Địa, NK GDMN Văn, Tiếng Anh, NK GDMN	NK GDMN	1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	80	C01 C03 C04 D01	Văn, Toán, Lý Văn, Toán, Sử Văn, Toán, Địa Văn, Toán, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn chính	Phương thức xét tuyển
3	Giáo dục Chính trị	7140205	30	C00 C19 D01 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4
4	Giáo dục Thể chất	7140206	30	T00 T05 T06 T07	Toán, Sinh, NKTDĐT Văn, GDCD, NKTDĐT Toán, Địa, NKTDĐT Văn, Địa, NKTDĐT	NK TDĐT	1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
5	Sư phạm Toán học	7140209	40	A00 A01 A02 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4
6	Sư phạm Tin học	7140210	40	A00 A01 A02 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4
7	Sư phạm Vật lý	7140211	30	A00 A01 A02 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4
8	Sư phạm Hóa học	7140212	40	A00 B00 D07 A06	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Hóa, Địa		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4
9	Sư phạm Sinh học	7140213	30	A02 B00 D08 B02	Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Tiếng Anh Toán, Sinh, Địa		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4
10	Sư phạm Ngữ văn	7140217	30	C00 C19 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4
11	Sư phạm Lịch sử	7140218	30	C00 C19 D14 D09	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh Toán, Sử, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4
12	Sư phạm Địa lý	7140219	30	C00 C04 D10 A07	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Địa Toán, Địa, Tiếng Anh Toán, Sử, Địa		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4
13	Sư phạm Âm nhạc	7140221	30	N00 N01	Văn, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu Toán, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu	Hát	1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
14	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	30	H00 H07	Văn, Trang trí, Hình họa Toán, Trang trí, Hình họa	Hình họa	1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
15	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	40	D01 D14 D15 D13	Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh Văn, Sinh, Tiếng Anh	Tiếng Anh	1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4
16	Sư phạm Công nghệ	7140246	30	A00 A01 A02 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 3 4. Phương thức 4

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn chính	Phương thức xét tuyển
17	Việt Nam học - Hướng dẫn viên du lịch - Quản lý Nhà hàng & Khách sạn	7310630	110	C00 C19 C20 D01	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
18	Ngôn ngữ Anh - Biên-phiên dịch - Tiếng Anh kinh doanh	7220201	120	D01 D14 D15 D13	Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh Văn, Sinh, Tiếng Anh	Tiếng Anh	1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
19	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	120	C00 D01 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
20	Quản lý văn hóa	7229042	40	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
21	Quản trị kinh doanh	7340101	110	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
22	Tài chính - Ngân hàng	7340201	60	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
23	Kế toán	7340301	130	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
24	Khoa học môi trường	7440301	50	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
25	Khoa học Máy tính - Công nghệ thông tin	7480101	80	A00 A01 A02 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
26	Nông học	7620109	40	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
27	Nuôi trồng thủy sản	7620301	95	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
28	Công tác xã hội	7760101	85	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4
29	Quản lý đất đai	7850103	40	A00 A01 B00 D07	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh		1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4

CÁC NGÀNH CAO ĐẲNG

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn chính	Phương thức xét tuyển
1	Giáo dục Mầm non	51140201	120	M00 M05 M07 M11	Văn, Toán, NK GDMN Văn, Sử, NK GDMN Văn, Địa, NK GDMN Văn, Tiếng Anh, NK GDMN	NK GDMN	1. Phương thức 1 2. Phương thức 2 3. Phương thức 4

* Ghi chú: Môn chính nhân hệ số 2; Tổ hợp môn thi A04, A06, B02 không xét tuyển theo phương thức 1.

2. Các phương thức tuyển sinh năm 2020

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia năm 2020

- Xét tuyển các ngành đào tạo giáo viên tuyển **70%** chỉ tiêu ngành.
- Xét tuyển các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên tuyển **50%** chỉ tiêu ngành.

>> Điều kiện xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020;

➤ Đối với các ngành đào tạo giáo viên:

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Riêng đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành Giáo dục Mầm non (môn Năng khiếu GDMN), ngành Giáo dục Thể chất (môn Năng khiếu TDTT), ngành Sư phạm Âm nhạc (môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thẩm âm – Tiết tấu), ngành Sư phạm Mỹ thuật (môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh có thể tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác để làm điều kiện tham gia xét tuyển và **có kết quả từ 5,0 trở lên**.

➤ **Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên:** đạt từ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường ĐHĐT quy định.

>> Thời gian xét tuyển

Trường ĐHĐT thực hiện xét tuyển phương thức 1 theo quy định của Bộ GD&ĐT về thời gian xét tuyển, lệ phí xét tuyển,...

>> Hình thức nhận đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký bằng Phiếu đăng ký dự thi THPT và Xét tuyển đại học 2020, mã trường **SPPD**.

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT

- Xét tuyển các ngành đào tạo giáo viên tuyển **20%** chỉ tiêu ngành.
- Xét tuyển các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên tuyển **40%** chỉ tiêu ngành.

>> Điều kiện xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:**

- Xét tuyển trình độ ĐH sử dụng kết quả học tập THPT: có học lực lớp 12 xếp **loại giỏi** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ **8,0 trở lên**;

Riêng các ngành Giáo dục Thể chất và Huấn luyện thể thao người dự tuyển phải có **học lực lớp 12** xếp loại từ **khá trở lên** hoặc **điểm xét tốt nghiệp THPT** từ **6,5 trở lên**; nếu tuyển sinh các thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương

tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế hoặc có điểm thi **năng khiếu** do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì **điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT** tối thiểu là 5,0 trở lên;

Các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật người dự tuyển phải có **học lực lớp 12** xếp loại **từ khá trở lên** hoặc **điểm xét tốt nghiệp THPT** từ 6,5 trở lên; nếu thí sinh có điểm thi **năng khiếu** do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì **điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT** tối thiểu là 5,0 trở lên.

• Xét tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non người dự tuyển phải **có học lực lớp 12** xếp loại **khá trở lên** hoặc **điểm xét tốt nghiệp THPT** từ 6,5 trở lên.

• Ngoài ra, các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành Giáo dục Mầm non (môn Năng khiếu GDMN), ngành Giáo dục Thể chất (môn Năng khiếu TDTT), ngành Sư phạm Âm nhạc (môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thảm âm – Tiết tấu), ngành Sư phạm Mỹ thuật (môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh có thể tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác để làm điều kiện tham gia xét tuyển và **có kết quả từ 5,0 trở lên**.

➤ **Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên:** Điểm tổ hợp các môn xét tuyển **kết quả học tập lớp 12 THPT** đạt từ 18,0 trở lên hoặc điểm **Trung bình cả năm lớp 12** đạt từ 6,0 trở lên.

>> Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển

➤ Đợt 1: 15/6/2020 đến 30/7/2020

➤ Đợt 2: 31/7/2020 đến 24/9/2020

➤ Đợt 3: 25/9/2020 đến 20/11/2020

>> Hồ sơ xét tuyển gồm

➤ Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu 1 hoặc mẫu 2 đối với ngành có môn năng khiếu*);

➤ Bản photocopy công chứng học bạ THPT;

➤ Giấy chứng nhận ưu tiên (*nếu có*);

➤ Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh;

➤ Phí xét tuyển: 30.000 đồng/ nguyện vọng. (*Nộp trực tiếp hoặc có thể bỏ vào phong bì gửi cùng với hồ sơ xét tuyển*)

>> Hình thức nhận đăng ký xét tuyển

Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển bằng 03 hình thức:

➤ Đăng ký trực tuyến tại website: www.tuyensinh.dthu.edu.vn

➤ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp

➤ Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đảm bảo chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp; 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển thẳng các ngành sư phạm

Xét tuyển theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 của Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT hoặc đối với các học sinh đã tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố vào các ngành phù hợp với môn học chuyên hoặc môn đoạt giải.

>> Điều kiện xét tuyển

➤ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

➤ Thí sinh đảm bảo theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 của Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT hoặc đối với các học sinh đã tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố vào các ngành phù hợp với môn học chuyên hoặc môn đoạt giải nếu đáp ứng điều kiện: Ba năm học THPT chuyên của tỉnh đạt học sinh giỏi hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức.

>> Thời gian xét tuyển

➤ Nhận hồ sơ xét tuyển: 15/6 – 01/08/2020

➤ Công bố danh sách trúng tuyển: Trước 17 giờ ngày 20/8/2020

>> Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Hồ sơ xét tuyển bao gồm:

➤ Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu 4);

➤ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

➤ Phí xét tuyển: 30.000 đồng/ nguyên vọng. (Nộp trực tiếp hoặc có thể bỏ vào phong bì gửi cùng với hồ sơ xét tuyển)

>> Hình thức nhận đăng ký xét tuyển

Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển bằng 03 hình thức:

➤ Đăng ký trực tuyến tại website: www.tuyensinh.dthu.edu.vn

➤ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp

➤ Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đảm bảo chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp; 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp

2.4. Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2020 của ĐHQG TP.HCM

- Xét tuyển các ngành đào tạo giáo viên tuyển 5% chỉ tiêu ngành.

- Xét tuyển các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên tuyển 10% chỉ tiêu ngành.

>> Điều kiện xét tuyển

➤ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

➤ Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2020 do ĐHQG TP.HCM tổ chức và có kết quả đạt từ ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu do Trường ĐHTT quy định

>> Thời gian xét tuyển

➤ Nhận hồ sơ xét tuyển: 20/8 - 24/9/2020

➤ Công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển: 27/9/2020

Thí sinh có thể xem các thông tin liên quan đến kỳ thi đánh giá năng lực, điểm xét tuyển, kết quả xét tuyển,... tại địa chỉ website: www.tuyensinh.dthu.edu.vn

>> Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Hồ sơ xét tuyển bao gồm:

➤ Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu 3);

➤ Bản photocopy Giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực năm 2020 của ĐHQG TP.HCM;

➤ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

➤ Phí xét tuyển: 30.000 đồng/ nguyên vọng. (Nộp trực tiếp hoặc có thể bỏ vào phong bì gửi cùng với hồ sơ xét tuyển)

>> Hình thức nhận đăng ký xét tuyển

Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển bằng 03 hình thức:

- Đăng ký trực tuyến tại website: www.tuyensinh.dthu.edu.vn
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đảm bảo chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp; 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp

3. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Mã trường tuyển sinh: **SPD**.
- Mã ngành xét tuyển xem mục 1.
- Điểm xét tuyển giữa các tổ hợp môn thi trong cùng 01 ngành là bằng nhau.
- Trường ĐHTT không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ. Không sử dụng điểm thi THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển.

- Riêng đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật ngoài các môn văn hóa (*dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2020 hoặc kết quả học tập lớp 12 THPT*), thí sinh phải đăng ký dự thi các môn Năng khiếu do Trường ĐHTT tổ chức để lấy điểm xét tuyển. Cụ thể xem ở mục 4.

4. Tổ chức thi môn Năng khiếu

Trường tổ chức thi các môn năng khiếu (*Đối với các ngành năng khiếu: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật*)

>> Thời gian thi môn năng khiếu tại trường Đại học Đồng Tháp

➤ Đợt 1 : Ngày **27/8/2020**

➤ Đợt 2 : Ngày **10/9/2020**

>> Hồ sơ đăng ký thi tuyển

- Phiếu đăng ký thi năng khiếu (theo mẫu 2);
- Bản photocopy công chứng học bạ THPT (nếu xét theo phương thức 2);
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có và xét theo phương thức 2);
- Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh;
- 02 ảnh 4x6 (chụp không quá 6 tháng);
- Phí thi tuyển: 300.000 đồng/ hồ sơ. (Nộp trực tiếp hoặc có thể bỏ vào phong bì gửi cùng với hồ sơ thi tuyển).

>> Thời gian đăng ký thi môn năng khiếu

➤ Đợt 1: **15/6/2020 đến 25/8/2020**

➤ Đợt 2: **26/8/2020 đến 9/9/2020**

>> Hình thức nhận đăng ký thi môn năng khiếu

Thí sinh có thể đăng ký thi tuyển môn năng khiếu bằng 03 hình thức:

- Đăng ký trực tuyến tại website: www.tuyensinh.dthu.edu.vn
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đảm bảo chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp; 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp

>> Nội dung thi các môn năng khiếu

1. Ngành Giáo dục Mầm non

Thí sinh dự thi môn năng khiếu với 2 nội dung thi: **Hát, Đọc diễn cảm:**

➤ Nội dung **Hát**: Các bài hát Việt Nam được Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch cho phép lưu hành. Yêu cầu chung của phần thi hát: thể hiện được phong cách, sắc thái, tình cảm của tác phẩm. Trang phục phù hợp với nội dung, thể loại tác phẩm trình bày. Có thể tự chuẩn bị và sử dụng nhạc đệm khi dự thi.

➤ Nội dung **Đọc diễn cảm**: Mỗi thí sinh bốc thăm và đọc văn bản với các thể loại thơ, truyện hoặc đoạn văn miêu tả (có văn bản phát cho thí sinh). Yêu cầu: Phát âm chuẩn; Đọc đầy đủ nội dung văn bản mẫu; Đọc đúng ngữ điệu (ngắt, nhấn, nhịp...); Yếu tố phi ngôn ngữ (nét mặt, ánh mắt...).

2. Ngành Sư phạm Âm nhạc

Thí sinh dự thi 2 môn năng khiếu: **môn Hát (hệ số 2), môn Thẩm âm – Tiết tấu**

➤ Môn **Hát**: Các bài hát Việt Nam được Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch cho phép lưu hành. Yêu cầu: Thuộc lời; Phát âm rõ, lấy hơi hợp lý; Hát chuẩn xác giai điệu cả bài (đúng cao độ, đúng trường độ); Thể hiện được sắc thái, tình cảm phù hợp với nội dung bài hát; Lựa chọn và trình bày bài hát phù hợp với chất giọng, có giá trị nghệ thuật; Phong cách biểu diễn tự tin; Hát kết hợp tốt với nhạc đệm); Không hát ca khúc thiếu nhi.

➤ Môn **Thẩm âm – Tiết tấu**: Thí sinh nghe (hoặc nhìn) gõ và thực hiện lại tiết tấu; Thí sinh nghe và thực hiện lại sau khi nghe đàn.

3. Ngành Sư phạm Mỹ thuật

Thí sinh dự thi 2 môn năng khiếu: **môn Trang trí, môn Hình họa (hệ số 2)**

➤ Môn **Trang trí**: Vẽ trang trí hình vuông; hình tròn; hình chữ nhật.

➤ Môn **hình họa**: Vẽ đầu tượng bằng bút chì.

4. Ngành Giáo dục thể chất

Thí sinh dự thi 3 nội dung năng khiếu: **Bật cao tại chỗ, Chạy 30m tốc độ cao, Gập dẻo**

➤ Nội dung **Chạy 30m tốc độ cao** (Đơn vị tính bằng giây)

ĐIỂM	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
NAM	4"41	4"01	3"91	3"81	3"71	3"61	3"51	3"41	3"31	3"30
	4"20	4"10	4"00	3"90	3"80	3"70	3"60	3"50	3"40	
NỮ	4"41	4"31	4"21	4"11	4"01	3"91	3"81	3"71	3"61	3"60
	4"60	4"40	4"30	4"20	4"10	4"00	3"90	3"80	3"70	

➤ Nội dung **Bật cao tại chỗ** (Đơn vị tính bằng xăng-ti-mét)

ĐIỂM	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
NAM	25 - 29	30 - 34	35 - 39	40 - 44	45 - 49	50 - 54	55 - 59	60 - 64	65 - 69	70
NỮ	20 - 24	25 - 29	30 - 34	35 - 39	40 - 44	45 - 49	50 - 54	55 - 59	60 - 64	65

➤ Nội dung **Đẻo**: Gập người về phía trước (Đơn vị tính bằng xăng-ti-mét)

ĐIỂM	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
NAM	01 - 02	03 - 04	05 - 06	07 - 10	11-14	15 - 18	19 - 22	23 - 26	27 - 29	30
NỮ	01 - 04	05 - 07	08 - 11	12 - 14	15 - 17	18 - 21	22 - 25	26 - 29	30 - 32	33

5. **Chính sách ưu tiên**: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

6. Hướng dẫn nhập học

>> **Thí sinh trúng tuyển bắt buộc phải nộp các hồ sơ sau đây mới đủ điều kiện nhập học:**

➤ Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia năm 2020 (*nếu thí sinh có tham gia thi tốt nghiệp THPT năm 2020*)

➤ Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (*đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2020 sẽ bổ sung Bằng tốt nghiệp THPT ngay sau khi được cấp bằng tốt nghiệp*)

➤ Bản chính Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2020 của ĐHQG TP.HCM (đối với thí sinh trúng tuyển bằng phương thức 4)

➤ Thí sinh có thể nộp trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện theo thời gian quy định.

>> **Thời gian nhập học:**

➤ Thí sinh nhập học theo thời gian được thông báo cụ thể trong Giấy báo trúng tuyển của Trường Đại học Đồng Tháp.

7. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2020

Địa chỉ website tuyển sinh của trường: www.tuyensinh.dthu.edu.vn

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Quốc Tuấn	Tổ trưởng tổ khảo thí, Phòng ĐBCL	0277. 3882258	nqtuan@dthu.edu.vn
2	Nguyễn Trí Túc	Chuyên viên, Ban tư vấn SV	0277. 3995599	nttuc@dthu.edu.vn
3	Bùi Ngọc Ngà	Chuyên viên, Ban tư vấn SV	0277. 3995599	bnnga@dthu.edu.vn

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỆ CHÍNH QUY NĂM 2020**

(Sử dụng để xét tuyển dựa vào kết quả học bạ lớp 12 THPT)

1. Họ và tên:Giới tính (Nam ghi 0, Nữ ghi 1):

2. Ngày, tháng và 02 số cuối của năm sinh:

3. Giấy chứng minh nhân dân số (Ghi mỗi số vào một ô)

4. Hộ khẩu thường trú:

Mã tỉnh Mã huyện

5. Trường THPT (lớp 10):

Trường THPT (lớp 11):

Trường THPT (lớp 12):

Mã tỉnh Mã trường

6. Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3; Đối tượng ưu tiên: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07
(Khoanh tròn vào khu vực, đối tượng ưu tiên (nếu có))

7. Đăng ký xét tuyển:

- Xét tuyển bằng Điểm trung bình 3 môn lớp 12 ;

- Xét tuyển bằng Điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT * .

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Môn 1	Điểm M1*	Môn 2	Điểm M2*	Môn 3	Điểm M3*

Điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT:..... - Xếp loại học lực, hạnh kiểm:.....

8. Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

9. Nộp lệ phí xét tuyển (30.000 đ/01 nguyện vọng) bằng hình thức: (Đánh dấu "x" vào 1 trong 2 ô sau):

Trực tiếp tại trường

Qua bưu điện

10. Số điện thoại: Email:

11. Địa chỉ liên hệ:

Ngày tháng năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ảnh 4x6

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển có dán ảnh.
- Bản photo công chứng học bạ THPT
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có)
- Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh.
- Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/ nguyện vọng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI NĂNG KHIẾU
VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HỆ CHÍNH QUY NĂM 2020

(Sử dụng kết quả thi THPT quốc gia hoặc kết quả học lớp 12 THPT tuyển sinh các ngành có môn năng khiếu)

1. Họ và tên:Giới tính (Nam ghi 0, Nữ ghi 1):
2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:
3. Giấy chứng minh nhân dân số (Ghi mỗi số vào một ô)
4. Hộ khẩu thường trú:
Mã tỉnh Mã huyện
5. Trường THPT (lớp 10):
Mã tỉnh Mã trường
- Trường THPT (lớp 11):
Mã tỉnh Mã trường
- Trường THPT (lớp 12):
Mã tỉnh Mã trường
6. Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3; Đối tượng ưu tiên: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07
(Khoanh tròn vào khu vực, đối tượng ưu tiên (nếu có))
7. Đăng ký xét tuyển và thi năng khiếu:
- Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia 2020 ;
 - Xét tuyển bằng kết quả học lớp 12 THPT * .

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Môn 1	Điểm M1*	Môn 2	Điểm M2*

Điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT:..... - Xếp loại học lực, hạnh kiểm:.....

8. Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

9. Nộp lệ phí thi và xét tuyển (330.000 đồng/01 ngành) bằng hình thức: (Đánh dấu "x" vào 1 trong 2 ô sau):

- Trực tiếp tại trường Qua bưu điện

10. Số điện thoại: Email:.....

11. Địa chỉ liên hệ:

Ngày tháng năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ảnh 4x6

Ảnh 4x6

Hồ sơ đăng ký xét tuyển và thi năng khiếu gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển có dán ảnh.
- Bản photo công chứng học bạ THPT (nếu xét theo phương thức 2)
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có)
- Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh.
- Lệ phí xét tuyển: 330.000 đồng/ 01 ngành

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỆ CHÍNH QUY NĂM 2020***(Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2020 của ĐHQG TP.HCM)*

1. Họ và tên:Giới tính (Nam ghi 0, Nữ ghi 1):
2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:
3. Giấy chứng minh nhân dân số (Ghi mỗi số vào một ô)
4. Hộ khẩu thường trú:
Mã tỉnh Mã huyện
5. Trường THPT (lớp 10):
Mã tỉnh Mã trường
- Trường THPT (lớp 11):
Mã tỉnh Mã trường
- Trường THPT (lớp 12):
Mã tỉnh Mã trường
6. Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3; Đối tượng ưu tiên: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07
(Khoanh tròn vào khu vực, đối tượng ưu tiên (nếu có))
7. Đăng ký xét tuyển:
- Số báo danh thi ĐGNL ĐHQG-HCM:
- Điểm thi ĐGNL:

TT	Tên ngành	Mã ngành

8. Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
9. Nộp lệ xét tuyển (30.000 đồng/01 nguyện vọng) bằng hình thức: (Đánh dấu "x" vào 1 trong 2 ô sau):
 Trực tiếp tại trường Qua bưu điện
10. Số điện thoại:.....Email:
11. Địa chỉ liên hệ:

Ngày tháng năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ảnh 4x6

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển có dán ảnh.
- Bản photo Giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực năm 2020 của ĐHQG TP.HCM
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có)
- Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh.
- Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/ nguyện vọng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỆ CHÍNH QUY NĂM 2020***(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng)*

1. Họ và tên:Giới tính (Nam ghi 0, Nữ ghi 1):
2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:
3. Giấy chứng minh nhân dân số (Ghi mỗi số vào một ô)
4. Hộ khẩu thường trú:
Mã tỉnh Mã huyện
5. Trường THPT (lớp 10):
Mã tỉnh Mã trường
- Trường THPT (lớp 11):
Mã tỉnh Mã trường
- Trường THPT (lớp 12):
Mã tỉnh Mã trường

6. Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3; Đối tượng ưu tiên: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07
(Khoanh tròn vào khu vực, đối tượng ưu tiên (nếu có))

7. Đăng ký xét tuyển thăng:

TT	Tên ngành	Mã ngành

- Xếp loại học lực, hạnh kiểm lớp 10:
- Xếp loại học lực, hạnh kiểm lớp 11:
- Xếp loại học lực, hạnh kiểm lớp 12:

8. Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

9. Nộp lệ xét tuyển (30.000 đồng/01 nguyện vọng) bằng hình thức: (Đánh dấu "x" vào 1 trong 2 ô sau):

- Trực tiếp tại trường Qua bưu điện

10. Số điện thoại:Email:

11. Địa chỉ liên hệ:

Ngày tháng năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ảnh 4x6

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển có dán ảnh.
 Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có)
 Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh.
 Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/ nguyện vọng